

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/DS-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Ngọc Trứ

2, Ông Trương Đức Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận- Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐXXST-DS ngày 01/9/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 84/2020/QĐST-DS ngày 01/9/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị K, sinh năm 1947. Cư trú: Thôn S, xã MĐ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà K: Anh Ngô TA, sinh năm 1973. Cư trú: Thôn S, xã MĐ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1972. Cư trú: Thôn N, xã MĐ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị L, sinh năm 1974. Cư trú: Thôn N, xã MĐ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2020, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là bà Đinh Thị K do Anh Ngô TA đại diện theo ủy quyền trình bày: Giữa bà Đinh Thị K với vợ chồng anh Nguyễn Ngọc C chị Trần Thị L có quan hệ họ hàng. Ngày 08/4/2011 (âm lịch) bà Đinh Thị K có cho anh Nguyễn Ngọc C và chị Trần Thị L vay số tiền 55.000.000 đồng. Mục đích vay là để làm ăn kinh doanh (buôn cám chăn nuôi). Các bên có thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng và trả lãi hàng tháng. Thời hạn vay các bên thỏa thuận, khi nào bà K cần thì yêu cầu

anh Nguyễn Ngọc C và chị Trần Thị L trả. Việc vay mượn có lập thành văn bản là Giấy biên nhận. Anh C và chị L đã trả tiền lãi cho bà K từ khi vay đến tháng 3/2012 (Âm lịch). Từ tháng 4/2012, bà K đã nhiều lần yêu cầu Anh C chị L trả nợ cả tiền gốc và tiền lãi nhưng Anh C và chị L không trả. Số tiền cho anh Nguyễn Ngọc C và chị Trần Thị L vay là số tiền riêng của bà K, không liên quan gì đến chồng và các con của bà K.

Nay bà K yêu cầu anh Nguyễn Ngọc C chị Trần Thị L trả số tiền gốc 55.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 9%/năm. Thời gian tính lãi từ ngày 01/4/2012 (âm lịch) tức từ ngày 21/4/2012 (dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2020), làm tròn thời gian tính lãi là 08 năm 05 tháng. Tổng số tiền mà Anh C và chị L phải trả cho bà K đến khi xét xử sơ thẩm (Ngày 28/9/2020) là 96.662.500 đồng (trong đó tiền gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi là 41.662.500 đồng).

* Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Ngọc C và chị Trần Thị L. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng Anh C và chị L không đến Tòa án để làm việc.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471, Điều 474 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc anh Nguyễn Ngọc C và chị Trần Thị L phải trả cho bà Đinh Thị K số tiền 96.662.500 đồng (trong đó tiền gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi là 41.662.500 đồng).

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc C và chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Anh Ngô TA đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị L đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự này.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đinh Thị K yêu cầu anh Nguyễn Ngọc C và chị Trần Thị L trả tổng số tiền 96.662.500 đồng (trong đó tiền gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi là 41.662.500 đồng). Các bên có giao kết bằng văn bản (Giấy biên nhận), ghi rõ số lượng tiền vay nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 471- Bộ luật dân sự năm 2005). Khi có tranh chấp, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà K yêu cầu Anh C và chị L trả tổng số tiền cả gốc và lãi là 96.662.500 đồng thì thấy:

- Đối với yêu cầu trả số tiền gốc 55.000.000 đồng: Theo lời trình bày của anh Tuấn Anh là đại diện theo ủy quyền của bà K và các tài liệu có trong hồ sơ thì xác định có việc Anh C vay của bà K số tiền 55.000.000 đồng. Chỉ có mình Anh C ký nhận vay tiền nhưng theo lời trình bày của anh Tuấn Anh thì xác định Anh C vay tiền của bà K để phát triển kinh tế của gia đình. Anh C và chị L là vợ chồng. Theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì chị L phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự hợp pháp do Anh C thực hiện. Nay bà K yêu cầu Anh C và chị L trả số tiền gốc 55.000.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 474 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Đối với yêu cầu trả tiền lãi thì thấy: Trong giấy biên nhận vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, do vậy xác định đây là khoản vay có lãi. Theo bà K thì Anh C đã trả tiền lãi từ khi vay đến hết tháng 3/2012 (âm lịch). Nay bà Đinh Thị K yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Ngọc C và chị Trần Thị L trả tiền lãi với mức lãi suất là 9%/năm. Thời gian tính lãi từ ngày 01/4/2012 (âm lịch) tức từ ngày 21/4/2012 (dương lịch) đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2020), làm tròn thời gian tính lãi là 08 năm 05 tháng, số tiền lãi được tính là 41.662.500 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự thấy yêu cầu trả tiền lãi của bà K là có căn cứ và cần được chấp nhận, cần buộc anh Nguyễn Ngọc C và chị Trần Thị L phải trả cho bà Đinh Thị K số tiền lãi là 41.662.500 đồng.

[6]- Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc C và chị Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 471, Điều 474 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc anh Nguyễn Ngọc C và chị Trần Thị L phải trả cho bà Đinh Thị K số tiền 96.662.500 đồng (trong đó tiền gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi là 41.662.500 đồng).

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc C và chị Trần Thị L phải chịu 4.833.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa,
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Chuyên